

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP: BẢNG CHỨNG THỰC NGHIỆM TỪ VIỆT NAM

Phan Quỳnh Trang^{1*}, Vũ Nguyễn Gia Bảo¹

¹Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Email: trang.pq@ou.edu.vn

Ngày nhận: 27/10/2023

Ngày chấp nhận: 27/12/2024

Ngày đăng: 25/08/2024

DOI: 10.52932/jfm.v15i6.444

Phụ lục 1. Mô tả các biến

Ký hiệu biến	Tên biến	Đo lường	Kỳ vọng dấu	Tham chiếu từ các nghiên cứu trước
Biên phụ thuộc				
FV	Giá trị doanh nghiệp			
Tobin Q		(Giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu + Giá trị sổ sách của nợ)/Tổng tài sản		Phan Quỳnh Trang (2018); Võ Minh Long (2018)
MBV		Giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu/Giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu		Fang & cộng sự (2009)
Biên độc lập				
IT	Giao dịch của cổ đông nội bộ	Quan sát nhận giá trị là 1 nếu giá trị giao dịch mua của cổ phiếu được thực hiện bởi nhà đầu tư là cổ đông nội bộ; nhận giá trị là 0 cho trường hợp còn lại	+	Tác giả đề xuất
CANHAN	Giá trị giao dịch của cổ đông nội bộ cá nhân	Quan sát nhận giá trị là 1 nếu giá trị giao dịch mua của cổ phiếu được thực hiện bởi nhà đầu tư là cổ đông nội bộ cá nhân; nhận giá trị là 0 cho trường hợp còn lại	+	Tác giả đề xuất
TOCHUC	Giá trị giao dịch của cổ đông nội bộ tổ chức	Quan sát nhận giá trị là 1 nếu giá trị giao dịch mua của cổ phiếu được thực hiện bởi nhà đầu tư là cổ đông nội bộ tổ chức; nhận giá trị là 0 cho trường hợp còn lại	+	Tác giả đề xuất
CDL	Giá trị giao dịch của cổ đông lớn	Quan sát nhận giá trị là 1 nếu giá trị giao dịch mua của cổ phiếu được thực hiện bởi nhà đầu tư là cổ đông lớn; nhận giá trị là 0 cho trường hợp còn lại	+	Tác giả đề xuất
LEV	Tỷ lệ nợ	Nợ phải trả/Tổng tài sản	+	Phan Quỳnh Trang); Võ Minh Long (2018)
LIQ	Khả năng thanh khoản	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	+	Võ Minh Long (2018)
ROA	Khả năng sinh lời	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/Tổng tài sản	+	Võ Minh Long (2018)

Ký hiệu biến	Tên biến	Đo lường	Kỳ vọng dấu	Tham chiếu từ các nghiên cứu trước
GROW	Cơ hội tăng trưởng	Tăng trưởng của doanh thu thuần	+	Võ Minh Long (2018)
SIZE	Quy mô doanh nghiệp	Logarith tự nhiên của tổng tài sản	+	Phan Quỳnh Trang); Võ Minh Long (2018)
TANG	Tài sản hữu hình	Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình/Tổng tài sản	+	Võ Minh Long (2018)

Phụ lục 2. Mô tả các biến

Biến nghiên cứu	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Q	6.714	0,8560	0,3923	0,1689	2,7968
MBV	6.714	0,6801	0,6605	0	3,7630
CANHAN	6.714	0,3038	0,4599	0	1
TOCHUC	6.714	0,1922	0,3941	0	1
CDL	6.714	0,2536	0,4351	0	1
LEV	6.714	0,4878	0,2212	0,0393	0,9076
LIQ	6.714	2,3550	2,6447	0,3910	17,788
ROA	6.714	0,0777	0,0742	0,0006	0,3855
GROW	6.714	0,2303	0,8332	-0,7346	6,0647
SIZE	6.714	13,4960	1,5570	9,9720	17,835
TANG	6.714	0,192234	0,197687	0,0000	0,8436

Ghi chú: Tham khảo Bảng 1 về thông tin các biến.

Phụ lục 3. Ma trận tương quan

	Q	MBV	CANHAN	TOCHUC	CDL	LEV	LIQ	ROA	GROW	SIZE
Q	1									
MBV	0,9123	1								
CANHAN	0,0078	0,0179	1							
TOCHUC	0,0745	0,1051	0,0138	1						
CDL	0,0467	0,0797	0,2215	0,7249	1					
LEV	0,0681	-0,144	0,0303	-0,0630	-0,0611	1				
LIQ	-0,0303	0,069	-0,0397	0,0221	0,0154	-0,5839	1			
ROA	0,2707	0,3289	-0,0210	0,0786	0,0345	-0,4367	0,2191	1		
GROW	-0,0495	-0,0322	-0,0238	-0,0063	-0,0042	0,0121	0,0242	0,0201	1	
SIZE	0,1895	0,1490	-0,0138	0,1274	0,0397	0,3313	-0,2140	-0,0882	0,0181	1
TANG	0,0483	0,0472	-0,015	-0,0260	-0,0437	-0,0406	-0,1550	0,0807	-0,0660	0,0422

Ghi chú: Tham khảo Bảng 1 về thông tin các biến.